

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/2022/QĐST-DS

Thạch Thành, ngày 02 tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 72/2022/TLST/HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Anh Trương Hồng S; Sinh năm: 1976

Địa chỉ: Thôn V, xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L; Sinh năm: 1979

Địa chỉ: Thôn V, xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 33, 35, 38, 39, 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 5 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân:

Trong thời kỳ hôn nhân, anh S và chị L có tài sản chung là: Thửa đất số 101, tờ bản đồ số 34 tại thôn V xã M có diện tích 290,1m² (Trong đó diện tích đất ở là 200 m² và 90,1 m² đất trồng cây lâu năm) có giá trị 240.000.000đ (Hai trăm bốn mươi triệu đồng) và ngôi nhà cấp 4 có diện tích sàn là 42 m², xây dựng trên đất vào năm 2007 có giá trị 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng). Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

1.2. Về cách thức phân chia:

- Anh Trương Hồng S được chia phần diện tích đất có chiều dài Tứ cận như sau: Phía bắc giáp đường Quốc lộ 217B chiều dài 8m; Phía Nam giáp Sông bưởi chiều dài 7,5m; Phía Đông giáp nhà ông Lê Đình Đ có chiều dài 18.4m; Phía Tây là phần danh giới phân chia đất của vợ chồng kéo dài hết đất chiều dài 20,8m. Phần đất anh S được chia có diện tích là 150,7m² (Trong đó có 110m² đất ở và 40,7m² đất trồng cây lâu năm)

có giá trị 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng). (Theo sơ đồ được đo, vẽ tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản ngày 27/5/2022).

- Chị Nguyễn Thị L được chia phần diện tích đất có chiều dài tứ cận như sau: Phía bắc giáp đường Quốc lộ 217B có chiều dài 5,5m; Phía Nam giáp sông bưởi có chiều dài chia làm 2 đoạn, đoạn thứ nhất có chiều dài 9,7m, đoạn thứ 2 giáp phần đất chia cho chị Sáu có chiều dài 0,1m; Phía Tây giáp đất nhà ông Nguyễn Văn Y có chiều dài 30,2m; Phía Đông giáp phần danh giới phân chia đất của vợ chồng kéo dài hết đất dài 20,8m. Phần đất mà chị L được chia có diện tích là 139,4m² (Trong đó có 90m² đất ở và 49,4m² đất trồng cây lâu năm) có giá trị 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) (Theo sơ đồ được đo, vẽ tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản ngày 27/5/2022).

- Chị L được sở hữu ngôi nhà cấp 4 có diện tích sàn là 42m² xây dựng năm 2007 trên phần đất mà chị L được chia có giá trị 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

- Về án phí: Anh Trương Hồng S tự nguyện chịu toàn bộ án phí DSST là 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST anh S đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: A`A/2021/0007640 ngày 17/5/2022, anh S đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Văn Hải